

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146 /2019/HS-ST

Ngày: 28- 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh.

Ông Phạm Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Nhứt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978, tại Đồng Nai; tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: Số 46/78 khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Như trên; *Nghề nghiệp:* Chạy xe ôm; *Trình độ văn hóa (học vấn):* 4/12; *Dân tộc:* Kinh; *Giới tính:* Nam; *Tôn giáo:* Thiên chúa; *Quốc tịch:* Việt Nam; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Con ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1943 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944 (Đã chết); Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo con út; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không có. Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 56 ngày 28/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Có mặt).

Người bị hại: Anh Diêm Đình S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 37C, tổ 4, khu phố 6, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 24/12/2018, Nguyễn Hữu T gặp người bạn tên Hải (không rõ họ và địa chỉ), tại khu vực phường A, thành phố B, là người sử dụng ma túy. Tại đây Hải đưa cho T 01 gói bột màu trắng nói là ma túy kêu T cất giữ để sử dụng chung, sau đó Hải rủ T đi trộm cắp tài sản và đưa cho T 01 đoạn sắt (công cụ tự chế dùng để phá ổ khóa xe mô tô). Hải điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave (không rõ biển số) chở T đến dãy phòng trọ tại khu phố 6, phường L, thành phố B. Khi đến dãy phòng trọ tại nhà số 37C, tổ 4, khu phố 6, phường L do anh Diêm Đình S thuê ở, phía trước sân có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 98K-186.29 không có người trông giữ. Hải dừng xe lại đứng bên ngoài cánh giới, còn T xuống xe đi vào trong nơi dựng xe mô tô, lấy đoạn sắt trong người ra cho vào ổ để bẻ khóa và dẫn xe ra ngoài thì bị anh Sáng cùng mọi người gần đó bắt giữ Thành, giao cho Công an phường Long Bình. Còn Hải bên ngoài điều khiển xe mô tô trốn thoát.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 468/HĐĐG ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố B đã kết luận: “01 xe mô tô biển số 98K-186.29, số máy 1586455, số khung 232369. Tổng giá trị tài sản định giá là 37.305.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng)”.

Vật chứng:

- Chiếc xe Honda Airblade biển số 98K-186.29 đã giao trả cho người bị hại.
- 01 đoạn sắt.
- 01 gói chất bột màu trắng nghi là ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển cho đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy để giám định và xử lý theo thẩm quyền.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình lấy cắp xe mô tô, T bẻ khóa làm hỏng bộ khóa, anh S sửa chữa số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) anh S yêu cầu T phải bồi thường, hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 118/CT-VKSBH ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hữu T từ 12 tháng đến 14 tháng tù. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đoạn sắt theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2019. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Đối với tên Hải (không rõ họ, địa chỉ) là đồng phạm với T sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 24/12/2018, bị cáo cùng với tên Hải (không rõ họ địa chỉ) đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 98K-186.29 của anh Diêm Đình S trị giá tài sản là 37.305.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng), thì T bị bắt giữ, còn Hải trốn thoát. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được thì hành vi của bị cáo có đủ căn cứ để kết luận phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã nhiều lần bị xử tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học trở thành công dân tốt mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Quá trình điều tra xác định được trước khi trộm cắp tài sản trong vụ án nêu trên thì vào ngày 23/8/2018 bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và cấm đi khỏi nơi cư trú. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án phạt tù bị cáo thật nghiêm nhằm cải tạo giáo dục bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, không có thu nhập ổn định, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo chỉ

chạy xe ôm thu nhập không ổn định và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng:

- Chiếc xe Honda Airblade biển số 98K-186.29 Cơ quan điều tra đã giao trả cho người bị hại là phù hợp quy định pháp luật.

- 01 đoạn sắt là phương tiện phạm tội. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 gói chất bột màu trắng nghi là ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển cho đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy để giám định và xử lý theo thẩm quyền. Theo Văn bản chuyển ngày 10/01/2019, biên bản đóng gói, niêm phong ngày 24/12/2018 và Quyết định trưng cầu giám định số 525 ngày 10/01/2019 là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Trách nhiệm dân sự: Anh S yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho anh S số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Đối với tên Hải (không rõ họ, địa chỉ) đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hữu T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T **01(Một) năm 02(Hai) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/12/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn sắt theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải bồi thường cho anh Diêm Đình S số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND Tp.B (1)
- VKSND tỉnh Đồng Nai(1)
- Thi hành án (05);
- Công an Tp.B (1);
- Bị cáo, đương sự (5);
- Lưu VP-HS (4).

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Minh

